

Số: **06** /2022/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày **19** tháng **4** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định quản lý vận hành phần mềm ứng dụng Hệ thống thông tin quản lý ngân sách dự án đầu tư xây dựng cơ bản PABMIS và chế độ báo cáo vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 586/TTr-STC ngày 16 tháng 02 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý vận hành phần mềm ứng dụng Hệ thống thông tin quản lý ngân sách dự án đầu tư xây dựng cơ bản PABMIS và chế độ báo cáo vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2022 và thay thế các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 04/2016/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 quy định quản lý vận hành phần mềm ứng dụng hệ thống thông tin quản lý ngân sách dự án đầu tư xây dựng cơ bản PABMIS và thực hiện chế độ báo cáo vốn đầu tư xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước; số 10/2018/QĐ-UBND ngày 20/5/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định quản lý vận hành phần mềm ứng dụng hệ thống thông tin quản lý ngân sách dự án đầu tư xây dựng cơ bản PABMIS và thực hiện chế độ báo cáo vốn đầu tư xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các ban quản lý dự án; các chủ đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Các ban quản lý dự án và các chủ đầu tư;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT, TH.

Namph/QĐ.T4/10b

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trịnh Việt Hùng

QUY ĐỊNH

Quản lý vận hành phần mềm ứng dụng Hệ thống thông tin quản lý ngân sách dự án đầu tư xây dựng cơ bản PABMIS và chế độ báo cáo vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Quyết định số 06 /2022/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc cập nhật dữ liệu, quản lý, vận hành phần mềm ứng dụng Hệ thống thông tin quản lý ngân sách dự án đầu tư xây dựng cơ bản PABMIS và chế độ báo cáo vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan tài chính các cấp; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các chủ đầu tư; các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và các sở, ban, ngành có liên quan trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Phần mềm ứng dụng Hệ thống thông tin quản lý ngân sách dự án đầu tư xây dựng cơ bản PABMIS (sau đây gọi tắt là Hệ thống phần mềm PABMIS) là hệ thống thông tin được thiết kế để quản lý thông tin về tài chính các dự án đầu tư xây dựng cơ bản vốn đầu tư công do cấp tỉnh, huyện và xã quản lý.

2. Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị phải tuân theo nguyên tắc chặt chẽ, kịp thời, thống nhất, đảm bảo tính chính xác về số liệu toàn tỉnh, từng cấp, từng ngành, từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý Hệ thống phần mềm PABMIS và thực hiện kịp thời, đầy đủ, chính xác chế độ báo cáo vốn đầu tư công.

3. Các số liệu báo cáo phải đồng bộ, thống nhất, góp phần nâng cao năng lực quản lý ngân sách, tính minh bạch và hiệu quả trong công tác quản lý tài chính đầu tư của tỉnh.

4. Ứng dụng công nghệ thông tin vào cải tiến quy trình nghiệp vụ, giúp tăng cường hiệu quả công tác quản lý, từng bước phát triển sự liên kết, trao đổi thông tin trong lĩnh vực tài chính đầu tư của các đơn vị có liên quan bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, tiết kiệm, hiệu quả.

5. Hình thành cơ sở dữ liệu về lĩnh vực tài chính đầu tư để thực hiện chuyển đổi số và cung cấp thông tin phục vụ điều hành của các cấp chính quyền địa phương.

Điều 4. Việc thực hiện, cập nhật dữ liệu vào Hệ thống phần mềm PABMIS

1. Các đơn vị đã được trang bị, cài đặt phần mềm PABMIS yêu cầu cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin các dự án, công trình đơn vị đang quản lý (công trình đang thực hiện dở dang và công trình khởi công mới) từ khi được phê duyệt đến khi kết thúc. Tổng hợp báo cáo, đồng bộ dữ liệu trong phần mềm PABMIS theo đúng quy định.

2. Khuyến khích các đơn vị cập nhật dữ liệu các dự án đã phê duyệt quyết toán và được bố trí đủ vốn từ các năm trước để phục vụ công tác lưu trữ, tra cứu dữ liệu về dự án.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

MỤC 1

CẬP NHẬT, KIỂM TRA THÔNG TIN TRÊN HỆ THỐNG PHẦN MỀM PABMIS

Điều 5. Nội dung cập nhật thông tin trên Hệ thống phần mềm PABMIS

Các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, cơ quan tài chính các cấp cập nhật dữ liệu về các dự án đầu tư công được giao quản lý vào Hệ thống phần mềm PABMIS theo các thông tin sau:

1. Cập nhật thông tin về các danh mục sau:

a) Dự án, hạng mục công trình, gói thầu; Hợp đồng, phụ lục hợp đồng; Nhà cung cấp (nhà thầu).

b) Văn bản (tài liệu): Cập nhật các thông tin về văn bản và đính kèm bản scan từ văn bản gốc hoặc văn bản điện tử có chữ ký số chuyên dùng.

2. Cập nhật số liệu về tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công, bao gồm:

a) Tổng mức đầu tư ban đầu và các lần điều chỉnh, bổ sung (nếu có).

b) Tổng dự toán ban đầu và các lần điều chỉnh, bổ sung (nếu có).

c) Kế hoạch vốn đầu tư công được cấp có thẩm quyền giao hàng năm cho dự án, công trình.

d) Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Giá trị nghiệm thu A-B của từng gói thầu, hạng mục công trình.

e) Giá trị giải ngân của từng dự án, hạng mục công trình.

g) Giá trị quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt của từng dự án, hạng mục công trình hoàn thành.

3. Cập nhật dữ liệu về hồ sơ và báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, bao gồm:
- a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.
 - b) Danh mục và nội dung các tài liệu kèm theo hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành.
 - c) Báo cáo đề nghị quyết toán của chủ đầu tư theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP và Thông tư số 96/2021/TT-BTC.

4. Cập nhật các dữ liệu về số kế hoạch vốn đầu tư công và tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công:

- a) Kế hoạch vốn đầu tư công được cấp có thẩm quyền giao hàng năm cho các dự án, công trình.
- b) Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- c) Số liệu giải ngân theo tháng, quý, năm; lũy kế số giải ngân của từng dự án, công trình, hạng mục công trình từ khởi công đến kỳ báo cáo .

Điều 6. Cơ quan thực hiện cập nhật, kiểm tra dữ liệu cập nhật

1. Sở Tài chính

- a) Quản trị, cập nhật các thông tin:

- Cấp mã số dự án đầu tư đối với từng dự án theo quy định của Bộ Tài chính; Thiết lập, cập nhật danh mục các nguồn vốn đầu tư công; các khoản, mục chi đầu tư công.

- Cập nhật danh sách các chương trình mục tiêu, chương trình mục tiêu Quốc gia, danh sách các ban quản lý dự án, chủ đầu tư trên địa bàn toàn tỉnh, nhập mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách cho từng đơn vị, tên các đơn vị hành chính thuộc tỉnh, danh mục, thiết lập yêu cầu quản lý sử dụng chung cho toàn bộ hệ thống.

- b) Kiểm tra việc cập nhật các dữ liệu về số kế hoạch, tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công được Ủy ban nhân dân tỉnh giao gồm: Kế hoạch vốn hàng năm cho các dự án, công trình; Kế hoạch vốn trung hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt; số liệu giải ngân vốn đầu tư công theo tháng, quý, năm; lũy kế số giải ngân của từng dự án, công trình, hạng mục công trình từ khởi công đến kỳ báo cáo.

- c) Đối chiếu số liệu kế hoạch vốn và số giải ngân với Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên; phê duyệt, tổng hợp, đối chiếu và kiểm tra các dữ liệu do các chủ đầu tư, ban quản lý dự án cấp tỉnh đã thực hiện trên hệ thống.

- d) Cấp tài khoản (account) và phân quyền cho các đơn vị truy cập hệ thống để cập nhật và khai thác dữ liệu.

- đ) Cập nhật dữ liệu về các Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện:

a) Kiểm tra việc cập nhật các dữ liệu về số kế hoạch, tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao gồm: Kế hoạch vốn hàng năm cho các dự án, công trình; kế hoạch vốn trung hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt; số liệu giải ngân theo tháng, quý, năm; lũy kế số giải ngân của từng dự án, công trình, hạng mục công trình từ khởi công đến kỳ báo cáo.

b) Đối chiếu số liệu kế hoạch vốn đầu tư công được cấp có thẩm quyền giao hàng năm và lũy kế số giải ngân của các dự án, công trình định kỳ theo quý và hết năm ngân sách với Kho bạc Nhà nước cấp huyện; phê duyệt, tổng hợp, đối chiếu và kiểm tra các dữ liệu về kế hoạch vốn đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp xã, các chủ đầu tư, ban quản lý dự án đầu tư cấp huyện đã thực hiện trên hệ thống.

c) Cập nhật kịp thời, chính xác dữ liệu về các Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành do Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã phê duyệt.

MỤC 2

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO TRÊN HỆ THỐNG PHẦN MỀM PABMIS

Điều 7. Hình thức gửi báo cáo trên Hệ thống phần mềm PABMIS

1. Các chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các đơn vị có liên quan tổng hợp, thực hiện công tác báo cáo trên Hệ thống phần mềm PABMIS: Sử dụng chữ ký số, chứng thư số để ký gửi báo cáo đến các cơ quan tài chính, cơ quan cấp trên có liên quan trên Hệ thống phần mềm PABMIS. Trong trường hợp cần thiết, Sở Tài chính đề nghị đơn vị ký, gửi văn bản trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành hoặc gửi file dưới dạng Excel, Word theo quy định.

2. Các đơn vị được giao làm chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin của các dự án, công trình do đơn vị đang quản lý theo quy định tại Điều 4 quy định này; có trách nhiệm tổng hợp báo cáo, đồng bộ dữ liệu vào Hệ thống phần mềm PABMIS theo quy định này.

Điều 8. Thời gian cập nhật số liệu, dữ liệu trên Hệ thống phần mềm PABMIS

1. Các chủ đầu tư, ban quản lý dự án cập nhật số liệu, dữ liệu trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được các Quyết định giao vốn hoặc phát sinh các nghiệp vụ liên quan. Đối với công tác quyết toán dự án hoàn thành yêu cầu đơn vị cập nhật các văn bản pháp lý và báo cáo quyết toán trên Hệ thống phần mềm PABMIS trước 05 ngày làm việc so với thời gian nộp hồ sơ, báo cáo quyết toán theo các quy định hiện hành.

2. Đối với việc cập nhật số liệu, dữ liệu thuộc phạm vi của Sở Tài chính quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 6 hoàn thành trong thời hạn trước ngày mùng 10 hàng tháng đối với các nghiệp vụ phát sinh của tháng trước đó.

3. Đối với việc cập nhật số liệu, dữ liệu thuộc phạm vi của Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 hoàn thành trong thời hạn trước ngày mùng 10 hàng tháng đối với các nghiệp vụ phát sinh của tháng trước đó.

Điều 9. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư công theo niên độ ngân sách hằng năm

1. Thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước các cấp:

a) Các chủ đầu tư, ban quản lý dự án thực hiện đối chiếu, xác nhận số liệu quyết toán theo niên độ với Kho bạc Nhà nước nơi thực hiện kiểm soát thanh toán theo mẫu biểu quy định tại Thông tư số 96/2021/TT-BTC gửi cơ quan tài chính cùng cấp trước ngày 15 tháng 3 năm sau năm quyết toán; biểu mẫu gửi kèm theo gồm tổng số các dự án do đơn vị mình thực hiện quản lý, thanh toán phát sinh trong niên độ năm ngân sách (gồm: Tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành, hoàn ứng, nộp giảm tạm ứng).

b) Kho bạc Nhà nước cấp huyện tổng hợp số liệu quyết toán vốn đầu tư công theo niên độ gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh trước ngày 15 tháng 3 năm sau năm quyết toán.

c) Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện tổng hợp số liệu quyết toán vốn đầu tư công theo niên độ gửi Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 4 năm sau năm quyết toán.

d) Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên tổng hợp số liệu quyết toán vốn đầu tư công theo niên độ gửi Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 5 năm sau năm quyết toán.

2. Trình tự, thời gian lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết toán theo niên độ với ngân sách xã:

Ủy ban nhân dân cấp xã lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư công theo niên độ theo mẫu biểu được quy định tại Thông tư số 96/2021/TT-BTC có xác nhận của Kho bạc Nhà nước cấp huyện, gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch trước ngày 15 tháng 3 năm sau năm quyết toán. Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết toán vốn đầu tư công theo niên độ gửi Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào thông báo thẩm định của Phòng Tài chính - Kế hoạch, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp phê chuẩn theo quy định.

Điều 10. Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công hàng năm

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 15/2021/TT-BTC quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công, cụ thể như sau:

1. Cơ quan thực hiện báo cáo:

Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên tổng hợp báo cáo thanh toán vốn đầu tư công gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Sở Tài chính chủ trì, thống nhất số liệu tình hình thanh toán vốn đầu tư công với Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên, Sở Kế hoạch và Đầu tư; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư các dự án thuộc ngân sách địa phương quản lý.

2. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Đối với Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên:

- Báo cáo hàng tháng: Thực hiện trước ngày 13 của tháng báo cáo.
- Báo cáo lũy kế thực tế thanh toán vốn đầu tư công 12 tháng, ước thanh toán 13 tháng: Thực hiện báo cáo trước ngày 13 tháng 01 năm sau năm kế hoạch.
- Báo cáo năm (báo cáo 13 tháng): Thực hiện trước ngày 20 tháng 02 năm sau năm kế hoạch.

b) Sở Tài chính:

- Báo cáo hàng tháng: Thực hiện trước ngày 14 của tháng báo cáo.
- Báo cáo lũy kế thực tế thanh toán vốn đầu tư công 12 tháng, ước thanh toán 13 tháng: Thực hiện báo cáo trước ngày 14 tháng 01 năm sau năm kế hoạch.
- Báo cáo năm (báo cáo 13 tháng): Thực hiện trước ngày 26 tháng 02 năm sau năm kế hoạch.

3. Mẫu biểu: Theo quy định tại Thông tư số 15/2021/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn, thay thế theo quy định (nếu có).

Điều 11. Tham mưu trình cấp có thẩm quyền phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm và tổng hợp tình hình phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính

1. Đối với việc tham mưu trình cấp có thẩm quyền phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm:

Sở Kế hoạch và Đầu tư, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện tham mưu trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công theo biểu mẫu và thời gian quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP; sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân các cấp gửi cơ quan tài chính cùng cấp và Kho bạc Nhà nước nơi thực hiện kiểm soát, thanh toán các Quyết định phân bổ kế hoạch vốn để thực hiện kiểm tra phân bổ kế hoạch vốn và kiểm soát, thanh toán theo quy định.

2. Đối với việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp tình hình phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính:

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thực hiện tổng hợp tình hình phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

Điều 12. Tổng hợp báo cáo giữa kỳ trung hạn, cuối kỳ trung hạn theo quy định tại Nghị định số 40/2020/NĐ-CP

1. Đối với báo cáo giữa kỳ trung hạn:

a) Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn tính đến giữa kỳ trung hạn gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 7 năm thứ 3 của kế hoạch đầu tư công trung hạn.

b) Trên cơ sở báo cáo của Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 7 năm thứ 3 của kế hoạch đầu tư công trung hạn.

c) Mẫu biểu: Theo quy định tại Thông tư số 15/2021/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn, thay thế theo quy định (nếu có).

2. Đối với báo cáo cuối kỳ trung hạn:

a) Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên tổng hợp, báo cáo ước tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn tính đến hết năm cuối của kế hoạch đầu tư công trung hạn gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 7 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn.

b) Trên cơ sở báo cáo của Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 7 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn.

c) Mẫu biểu: Theo quy định tại Thông tư số 15/2021/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn, thay thế theo quy định (nếu có).

Điều 13. Báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trong năm

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Bộ Tài chính chậm nhất đến ngày 30 tháng 01 hàng năm. Trong đó:

1. Các chủ đầu tư, ban quản lý dự án cấp tỉnh báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trong năm do đơn vị mình quản lý gửi Sở Tài chính trước ngày 05 tháng 01 hàng năm.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trong năm do đơn vị mình quản lý gửi Sở Tài chính trước ngày 10 tháng 01 hàng năm.

3. Mẫu biểu: Mẫu số 12/QTDA kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC.

Điều 14. Công khai danh sách các nhà thầu vi phạm thời gian lập hồ sơ quyết toán trên Báo đấu thầu, hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp, thống nhất với Sở Kế hoạch và Đầu tư; Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện tổng hợp danh sách các nhà thầu vi phạm báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản giao Sở Kế hoạch và Đầu tư; Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản giao Phòng Tài chính - Kế hoạch công khai danh sách các nhà thầu vi phạm thời gian lập hồ sơ quyết toán theo quy định trên Báo đấu thầu, hệ thống đấu thầu quốc gia.

3. Mẫu biểu: Thực hiện theo Phụ biểu 01/BC-STC kèm theo quy định này.

Điều 15. Công khai danh sách các dự án do các chủ đầu tư, ban quản lý dự án vi phạm thời gian lập báo cáo quyết toán

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp, thống nhất với Sở Kế hoạch và Đầu tư; Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện tổng hợp danh sách các dự án do các chủ đầu tư, ban quản lý dự án vi phạm thời gian lập báo cáo quyết toán, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện công khai danh sách các dự án thuộc phạm vi cấp mình quản lý do các chủ đầu tư, ban quản lý dự án vi phạm thời gian lập báo cáo quyết toán theo quy định; xử lý nghiêm những tập thể, cá nhân vi phạm theo quy định.

3. Mẫu biểu: Thực hiện theo Phụ biểu 02/BC-STC kèm theo quy định này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các ngành, các cấp, đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành; các ban quản lý dự án và các chủ đầu tư.

a) Chịu trách nhiệm về số liệu báo cáo của đơn vị; tổng hợp lập báo cáo theo hướng dẫn và gửi cơ quan tài chính đúng thời hạn quy định.

b) Thực hiện tổng hợp số liệu định kỳ, đột xuất (nếu có) theo yêu cầu của cơ quan cấp trên và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác, chịu trách nhiệm về các thông tin dự án, tổng hợp báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính và quy định này vào Hệ thống phần mềm PABMIS.

2. Trách nhiệm của cơ quan tài chính các cấp

a) Căn cứ vào báo cáo do chủ đầu tư lập, thực hiện tổng hợp báo cáo gửi cơ quan cấp trên theo quy định. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố có trách nhiệm tổng hợp số liệu của ban quản lý các dự án đầu tư và xây dựng cấp huyện, nhập toàn bộ dữ liệu các dự án của các đơn vị khác trên địa bàn huyện quản lý bao gồm cả các dự án của các xã, phường, thị trấn.

b) Thực hiện thẩm định, thông báo kết quả thẩm định và tổng hợp quyết toán nguồn vốn Nhà nước theo niên độ đúng quy định.

c) Thực hiện tổng hợp số liệu định kỳ, đột xuất (nếu có) theo yêu cầu của cơ quan cấp trên.

d) Đồng bộ dữ liệu của đơn vị cấp dưới, các chủ đầu tư và cập nhật kịp thời dữ liệu các dự án vào Hệ thống phần mềm PABMIS.

đ) Trường hợp không nhận được đầy đủ các báo cáo trong thời hạn quy định; số liệu trên Hệ thống phần mềm PABMIS không được cập nhật đầy đủ, kịp thời cơ quan tài chính có ý kiến bằng văn bản yêu cầu Kho bạc Nhà nước cùng cấp nơi thực hiện kiểm soát thanh toán tạm dừng thanh toán cho tới khi đơn vị khắc phục đầy đủ, kịp thời.

3. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên

Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo tình hình thanh quyết toán theo quy định; trong quá trình kiểm soát, thanh toán có ý kiến bằng văn bản đối với các quyết định của cấp có thẩm quyền chưa đúng quy định hiện hành; tạm dừng thanh toán theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan tài chính đối với các trường hợp quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

Đôn đốc, chỉ đạo cơ quan tài chính, các chủ đầu tư, các cơ quan chuyên môn trực thuộc thực hiện đúng quy định quản lý vận hành phần mềm ứng dụng Hệ thống phần mềm PABMIS và thực hiện chế độ báo cáo vốn đầu tư công.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan hướng dẫn, tổ chức, triển khai, thực hiện, kiểm tra theo quy định này.

2. Yêu cầu các đơn vị chưa thực hiện cài đặt phần mềm khẩn trương cài đặt trước ngày 30/6/2022 để thực hiện cập nhật dữ liệu, báo cáo đảm bảo theo quy định.

3. Căn cứ quy định này các chủ đầu tư, ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, cơ quan tài chính các cấp và các đơn vị, tổ chức có liên quan nghiên cứu, tổ chức, triển khai thực hiện.

4. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm đôn đốc kiểm tra các chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các đơn vị, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc quy định này.

5. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì sẽ áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

6. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để nghiên cứu, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung theo quy định./.

Đơn vị báo cáo

Phụ biểu 01/BC-STC

**DANH SÁCH CÁC NHÀ THẦU VI PHẠM THỜI GIAN LẬP HỒ SƠ QUYẾT TOÁN
THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 99/2021/NĐ-CP NGÀY 11/11/2021 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Báo cáo số.....ngày.....tháng....năm của.....)

DVT: Tỷ đồng

STT	Tên dự án, công trình	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Thời gian thực hiện theo hợp đồng	Tên nhà thầu chậm quyết toán	Thời gian chậm	Lý do (nếu có)

Ngày.....tháng....năm....

Người lập

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị báo cáo

Phụ biểu 02/BC-STC

**DANH SÁCH CÁC DỰ ÁN DO CÁC CHỦ ĐẦU TƯ, BQL DA VI PHẠM THỜI GIAN LẬP BÁO CÁO QUYẾT TOÁN
THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 99/2021/NĐ-CP NGÀY 11/11/2021 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Báo cáo số.....ngày.....tháng.....năm 2022 của.....)

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Tên dự án, công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Số đã thanh toán	Thời gian chậm	Lý do (nếu có)

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày.....tháng....năm....

Thủ trưởng đơn vị